

Họ và tên:

Lớp:

TOÁN 3 – BÀI 6: BẢNG NHÂN/ BẢNG CHIA 4

Bài 1. Điền dấu $>$, $<$ hoặc $=$ vào ô trống.

a) $28 \dots 4 \times 7$

b) $28 \dots 4 \times 4$

c) $20 \dots 4 \times 5$

d) $6 \dots 4 \times 2$

Bài 2. Điền chữ cái của phép tính có kết quả lớn nhất.

a) Các phép tính:

D. $8:4$

B. $40:4$

C. $20:4$

A. $28:4$

Chữ cái cần điền là ...

b) Các phép tính:

D. $8:4$

B. $40:4$

C. $20:4$

A. $12:4$

Chữ cái cần điền là ...

c) Các phép tính:

D. $20:4$

B. $4:4$

C. $28:4$

A. $8:4$

Chữ cái cần điền là ...

d) Các phép tính:

D. $40:4$

B. $36:4$

C. $4:4$

A. $28:4$

Chữ cái cần điền là ...



Bài 3. Giải bài toán sau.

Nam có 8 viên bi. Minh có số viên bi gấp 4 lần số viên bi của Nam. Minh có bao nhiêu viên bi?

Bài giải

.....
.....
.....

Bài 4. Tính giá trị các biểu thức sau.

a) $36:4 - 9 = \dots\dots$

b) $24:4 + 2 = \dots\dots$

c) $12 + 32:4 = \dots\dots$

d) $40:4 + 13 = \dots\dots$

Bài 5. Điền chữ cái của phép tính có kết quả lớn nhất.

a) Điền chữ cái của phép tính có kết quả lớn nhất:

A. 4×9

B. 4×3

C. 10×4

D. 1×4

b) Điền chữ cái của phép tính có kết quả lớn nhất:

A. 1×4

B. 4×4

C. 9×4

D. 3×4

c) Điền chữ cái của phép tính có kết quả lớn nhất:

A. 4×9

B. 2×4

C. 4×6

D. 8×4

d) Điền chữ cái của phép tính có kết quả lớn nhất:

A. 6×4

B. 9×4

C. 4×8

D. 4×2

Bài 6. Điền số thích hợp để viết tổng thành phép nhân.

a) $4 + 4 + 4 = 4 \times \dots$

b) $4 + 4 + 4 + 4 + 4 + 4 = 4 \times \dots$

c) $4 + 4 + 4 + 4 + 4 + 4 + 4 + 4 + 4 + 4 + 4 + 4 = 4 \times \dots$

d) $4 + 4 + 4 + 4 + 4 + 4 + 4 + 4 + 4 = 4 \times \dots$

Bài 7. Điền tích liền trước trong bảng nhân 4.

a) Biết $4 \times 4 = 16$. Điền kết quả của phép nhân liền trước: $4 \times 3 = \dots$

b) Biết $4 \times 8 = 32$. Điền kết quả của phép nhân liền trước: $4 \times 7 = \dots$

c) Biết $4 \times 6 = 24$. Điền kết quả của phép nhân liền trước: $4 \times 5 = \dots$

d) Biết $4 \times 10 = 40$. Điền kết quả của phép nhân liền trước: $4 \times 9 = \dots$

Bài 8. Lan có 36 chiếc bánh. Lan chia đều số bánh đó vào các hộp, mỗi hộp có 4 chiếc bánh. Lan được bao nhiêu hộp bánh như vậy?

Viết phép tính chia để tìm số hộp và trả lời.

Bài giải

.....
.....
.....
.....

Bài 9. Dựa vào phép nhân đã cho, điền kết quả phép chia tương ứng.

a) $4 \times 8 = 32$
 $32 : 4 = \dots$

b) $4 \times 10 = 40$
 $40 : 4 = \dots$

c) $4 \times 2 = 8$
 $8 : 4 = \dots$

d) $4 \times 9 = 36$
 $36 : 4 = \dots$

Bài 10. Điền dấu $>$, $<$ hoặc $=$ vào chỗ trống.

a) $20:4 \dots 32:4$

b) $20:4 \dots 12:4$

c) $36:4 \dots 36:4$

d) $4:4 \dots 4:4$

Bài 11. Tính giá trị các biểu thức sau.

a) $15 + 4 \times 4 = \dots\dots$

b) $18 + 4 \times 6 = \dots\dots$

c) $8 + 4 \times 4 = \dots\dots$

d) $6 + 4 \times 10 = \dots\dots$

Bài 12. Trong bãi đỗ xe có 5 chiếc xe ô tô. Mỗi chiếc xe ô tô có 4 bánh xe. Có tất cả bao nhiêu bánh xe?
Trình bày bài giải để tìm số đồ vật có tất cả.

Bài giải

.....
.....
.....
.....

Bài 13. Trong phòng học có 5 chiếc ghế. Mỗi chiếc ghế có 4 chân. Có tất cả bao nhiêu chân ghế?
Trình bày bài giải để tìm số đồ vật có tất cả.

Bài giải

.....
.....
.....
.....

Bài 14. Giải bài toán sau.

Tuấn có 2 hộp trong góc học tập, mỗi hộp có 4 chiếc bút. Ngoài ra, bạn ấy còn có thêm 1 chiếc bút. Bạn ấy có tất cả bao nhiêu chiếc bút?

Bài giải

.....
.....
.....

---HẾT---

